

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

**Đã được kiểm toán**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban điều hành</b>	02-03
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-32

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0105806767 ngày 15 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

##### Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/05/2022)
Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên
Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/01/2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/01/2022)
Ông Bùi Trung Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/05/2022)
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc

##### Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**  
Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 15/07/2022, người đại diện theo pháp luật của công ty là: Ông Nguyễn Trí Thiện – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**Thay mặt Ban Điều hành**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
  
Nguyễn Trí Thiện



Số : 274/BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương được lập ngày 31/03/2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm kiểm toán, với các tài liệu hiện có, chúng tôi chưa đánh giá được tính hiệu quả cũng như khả năng hoàn vốn của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona với số tiền tại thời điểm 31/12/2022 là 147.000.000.000 đồng. Theo đó, việc tính toán giá trị dự phòng (nếu có) cho khoản đầu tư này chưa xác định được.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 25 tháng 03 năm 2022.



---

**ĐỖ THỊ DUYÊN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHNKT số: 3642-2021-126-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

---

**TRẦN MẠNH ĐỨC**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHNKT số: 4884-2019-126-1

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>282.701.844.488</b>	<b>423.398.356.890</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>12.828.301.735</b>	<b>20.625.284.136</b>
1. Tiền	111		12.828.301.735	20.625.284.136
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>267.992.066.580</b>	<b>400.777.906.754</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	82.679.506.274	229.800.904.309
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	251.016.260	4.614.695.559
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	196.980.000.000	163.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	17.951.956.546	3.362.306.886
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(29.870.412.500)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>655.362.381</b>	<b>804.116.970</b>
1. Hàng tồn kho	141		655.362.381	804.116.970
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.226.113.792</b>	<b>1.191.049.030</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		976.113.792	941.049.030
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	250.000.000	250.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>574.397.818.203</b>	<b>586.421.468.516</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.537.600</b>	<b>36.537.600</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	36.537.600	36.537.600
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.389.375.839</b>	<b>1.901.284.236</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	1.389.375.839	1.901.284.236
- Nguyên giá	222		2.181.998.182	2.801.781.818
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(792.622.343)	(900.497.582)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.10	<b>564.642.579.464</b>	<b>577.588.131.680</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		447.020.000.000	447.020.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	147.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		198.660.000	198.660.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(29.576.080.536)	(16.630.528.320)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.329.325.300</b>	<b>6.895.515.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	8.329.325.300	6.895.515.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>857.099.662.691</b>	<b>1.009.819.825.406</b>

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>54.068.988.508</b>	<b>172.967.931.831</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.944.680.508</b>	<b>172.520.054.931</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.868.895.949	121.069.400.504
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	708.178.509	727.020.431
3. Phải trả người lao động	314		66.241.150	76.070.500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	61.567.496
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15		300.000.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	42.301.364.900	50.285.996.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>124.308.000</b>	<b>447.876.900</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	124.308.000	447.876.900
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>803.030.674.183</b>	<b>836.851.893.575</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>803.030.674.183</b>	<b>836.851.893.575</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		792.000.000.000	792.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.030.674.183	44.851.893.575
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.851.893.575	29.735.830.185
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		(33.821.219.392)	15.116.063.390
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>857.099.662.691</b>	<b>1.009.819.825.406</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập



Bùi Thị Ngọc Huyền

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ngọc Huyền



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Trí Thiện



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	99.180.149.352	442.290.842.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	99.180.149.352	442.290.842.388
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	98.598.223.709	442.206.841.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		581.925.643	84.000.629
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	15.029.121.655	57.301.980
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	16.753.530.569	(17.198.130.761)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.807.978.353	6.389.636.039
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	32.995.165.021	2.578.692.531
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.137.648.292)	14.760.740.839
11. Thu nhập khác	31	VI.06	316.428.900	355.322.551
12. Chi phí khác	32	VI.07	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		316.428.900	355.322.551
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(33.821.219.392)	15.116.063.390
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(33.821.219.392)	15.116.063.390

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bùi Thị Ngọc Huyền

Bùi Thị Ngọc Huyền

Nguyễn Trí Thiện



Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(33.821.219.392)	15.116.063.390
2. Điều chỉnh cho các khoản		31.869.834.758	(16.975.254.561)
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	275.013.344	280.178.180
- Các khoản dự phòng	03	42.815.964.716	(23.587.766.800)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.029.121.655)	(57.301.980)
- Chi phí lãi vay	06	3.807.978.353	6.389.636.039
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.951.384.634)	(1.859.191.171)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	145.437.988.927	82.782.567.685
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	148.754.589	(276.308.241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả; thuế TNDN phải nộp)	11	(110.529.175.827)	58.763.134.149
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.433.810.300)	330.887.858
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.869.545.849)	(6.911.843.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.802.826.906	132.829.247.200
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	236.895.053	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.779.517.542)	(163.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.799.517.542	95.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.451.495.640	1.696.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.291.609.307)	(67.998.303.501)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	56.857.796.000	148.442.095.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(65.165.996.000)	(197.512.363.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(8.308.200.000)</i>	<i>(49.070.268.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.796.982.401)	15.760.675.699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.625.284.136	4.864.608.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.828.301.735	20.625.284.136

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Bùi Thị Ngọc Huyền

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ngọc Huyền

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Trí Thiện

Mẫu số B 09 - DN

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

### **Năm 2022**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0105806767 ngày 15 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 792.000.000.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi hai tỷ đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 12 người (tại 31/12/2021 là 13 người).

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng nông, lâm sản...

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn gạo; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Và các ngành nghề kinh doanh khác; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.....

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

## **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty bao gồm trụ sở chính tại Tầng 08, tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội. Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

### **a. Công ty con**

#### ***Công ty Cổ phần BWG Mai Châu***

\* Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 96,54%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 96,54%

#### ***Công ty CP Công ty CP Sunstar Bamboo Việt Nam***

\* Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐTĐM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 99,5%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 99,5%

#### ***Công ty Cổ phần Công ty CP Sunstar Ecotech Việt Nam***

\* Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐTĐM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 98%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 98%

### **b. Công ty liên doanh, liên kết**

#### ***Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona***

\* Địa chỉ: Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2022: 49%

\* Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 31/12/2022: 49%

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

### **3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### **2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

#### **c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công

ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

#### ***d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

### **3. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính riêng. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

##### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 10 năm

#### **6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính riêng. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của

tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BDSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### **b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **d. Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### **13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

#### **18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Điều hành, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2022	01/01/2022
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	588.583.073	6.926.486.141
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.239.718.662	13.698.797.995
<b>Cộng</b>	<b>12.828.301.735</b>	<b>20.625.284.136</b>
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
<b>a) Phải thu khách hàng</b>	<b>82.679.506.274</b>	<b>229.800.904.309</b>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dịch vụ Hà An (Tên cũ là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phân Bón Lào Cai)	941.723	30.487.057.052
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	61.902.282.379
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	59.740.825.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	-	70.390.800.000
- Công ty Cổ phần Ademax	15.380.959.300	-
- Công ty Cổ phần HAWINCO Phúc Minh	7.402.280.047	-
- Các khách hàng khác	154.500.204	7.279.939.878
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>82.679.506.274</b>	<b>229.800.904.309</b>
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>		
<b>a) Trả trước cho người bán</b>	<b>251.016.260</b>	<b>4.614.695.559</b>
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Cát Long	-	2.727.935.015
- Công ty TNHH Công Nghệ Mật Mã	3.816.616	5.655.000
- Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	-	1.485.649.000
- Khách hàng khác	247.199.644	395.456.544
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>251.016.260</b>	<b>4.614.695.559</b>
<b>4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Cát Tường Thiên Tân Lạc (1)	163.000.000.000	163.000.000.000
- Công ty CP ĐT và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt (2)	25.400.000.000	-
- Bà Khả Thị Thảo (3)	8.580.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>196.980.000.000</b>	<b>163.000.000.000</b>

(1) Cho vay theo hợp đồng số 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021 và Phụ lục số 01 ký ngày 16/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm, không có tài sản đảm bảo. Bên A có quyền hoán đổi số tiền cho vay thành vốn góp vào bên B trong trường hợp bên vay tăng vốn điều lệ. Khoản vay được thông qua Nghị Quyết HĐQT số 12/2021/NQHĐQT/SJF ngày 15/12/2021.

(2) Cho vay theo hợp đồng số 0105/HĐV/SJF-BMV ngày 01/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 8%/năm, không có tài sản đảm bảo.

(3) Cho vay theo hợp đồng số 09/2022/STD.HN ngày 01/09/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Khả Thị Thảo (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất 7%/năm, không có tài sản đảm bảo.

**5 . Phải thu khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>17.951.956.546</b>	-	<b>3.362.306.886</b>	-
Phải thu khác	9.003.621.421	-	68.553.084	-
+ <i>Lãi tiền gửi, cho vay</i>	8.633.231.496	-	55.605.481	-
+ <i>Phải thu khác</i>	370.389.925	-	12.947.603	-
Tạm ứng	8.896.537.290	-	3.293.753.802	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	51.797.835	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>36.537.600</b>	-	<b>36.537.600</b>	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	36.537.600	-	36.537.600	-
<b>Cộng</b>	<b>17.988.494.146</b>	-	<b>3.398.844.486</b>	-

**6 . Nợ xấu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	59.740.825.000	29.870.412.500	-	-
+ <i>Công ty Cổ phần phát triển Phân bón Đình Vũ</i>	59.740.825.000	29.870.412.500	-	-
<b>Cộng</b>	<b>59.740.825.000</b>	<b>29.870.412.500</b>	-	-

**7 . Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	655.362.381	-	804.116.970	-
<b>Cộng</b>	<b>655.362.381</b>	-	<b>804.116.970</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<b>8 . Chi phí trả trước dài hạn</b>	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí thuê văn phòng	8.329.325.300	6.895.515.000
<b>Cộng</b>	<b>8.329.325.300</b>	<b>6.895.515.000</b>

**9 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	-	-	2.801.781.818	-	2.801.781.818
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	619.783.636	-	619.783.636
<i>Thanh lý</i>			619.783.636		619.783.636
Số dư cuối năm	-	-	2.181.998.182	-	2.181.998.182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	-	900.497.582	-	900.497.582
Số tăng trong năm	-	-	275.013.344	-	275.013.344
<i>Khấu hao trong kỳ</i>			275.013.344		275.013.344
<i>Tăng khác</i>					-
Số giảm trong năm	-	-	382.888.583	-	382.888.583
<i>- Chuyển sang BĐS đã</i>					-
<i>Thanh lý</i>			382.888.583		382.888.583
<i>Giảm khác</i>					-
Số dư cuối năm	-	-	792.622.343	-	792.622.343
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	-	1.901.284.236	-	1.901.284.236
Tại ngày cuối năm	-	-	1.389.375.839	-	1.389.375.839

*Trong đó:*

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2022 dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay 1.389.375.839 đồng  
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: - đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>447.020.000.000</b>	<b>(29.576.080.536)</b>		<b>447.020.000.000</b>	<b>(16.630.528.320)</b>	
- Công ty CP BWG Mai Châu (1)	270.320.000.000	(29.576.080.536)		270.320.000.000	(16.630.528.320)	-
- Công ty CP Sunstar Bamboo Việt Nam (2)	19.900.000.000	-	-	19.900.000.000	-	-
- Công ty CP Sunstar Ecotech Việt Nam (3)	156.800.000.000	-	-	156.800.000.000	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>147.000.000.000</b>			<b>147.000.000.000</b>		
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona (4)	147.000.000.000	-	-	147.000.000.000	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>198.660.000</b>			<b>198.660.000</b>		
- Công ty CP JARCEL Việt Nam (5)	198.660.000	-	-	198.660.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>594.218.660.000</b>	<b>(29.576.080.536)</b>		<b>594.218.660.000</b>	<b>(16.630.528.320)</b>	

(1) Tổng vốn góp của Công ty CP BWG Mai Châu là 280.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương sở hữu 96,54%. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty CP BWG Mai Châu: sản xuất các sản phẩm từ tre, trồng rừng và chăm sóc rừng. Công ty BWG Mai Châu hoạt động tại Cụm Công Nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

(2) Tổng vốn góp của Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam là 20.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương sở hữu 99,5%. Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu phát triển vật liệu tre ép thanh, tư vấn thi công công trình....Địa chỉ hoạt động tại Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội. Ngày 21/03/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sunstar Bamboo Việt Nam và uỷ quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn đối tác cũng như thực hiện các thủ tục liên quan.

(3) Tổng vốn góp của Công ty CP Sunstar Ecotech Việt Nam là 160.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương sở hữu 98%. Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp....Đại chỉ hoạt động tại Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KĐT Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội. Ngày 21/03/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết thông qua việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam và uỷ quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn đối tác cũng như thực hiện các thủ tục liên quan.

(4) Tổng vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona là 300.000.000.000 đồng, trong đó, Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương sở hữu 49%. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona: Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn lập dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị....Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona hoạt động tại Số 1, Tổ 8, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội.

(5) Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương sở hữu 16% vốn tại Công ty CP JARCEL Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty CP JARCEL Việt Nam: Dược, hàng tiêu dùng chăm sóc sức khỏe.....Công ty CP JARCEL Việt Nam hoạt động tại Tầng 7, tòa nhà Simco Sông Đà, KĐT Vạn Phúc, đường Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.840.333.817</b>	<b>10.840.333.817</b>	<b>120.647.030.504</b>	<b>120.647.030.504</b>
- Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư CDM	905.309.300	905.309.300	-	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	-	-	35.982.200.000	35.982.200.000
- Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình	6.582.754.985	6.582.754.985	84.662.050.000	84.662.050.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp COLLAB	3.093.011.900	3.093.011.900	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	259.257.632	259.257.632	2.780.504	2.780.504
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>28.562.132</b>	<b>28.562.132</b>	<b>422.370.000</b>	<b>422.370.000</b>
- Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	28.562.132	28.562.132	422.370.000	422.370.000
<b>Cộng</b>	<b>10.868.895.949</b>	<b>10.868.895.949</b>	<b>121.069.400.504</b>	<b>121.069.400.504</b>

12 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>708.178.509</b>	<b>727.020.431</b>
- Công ty TNHH sản xuất đầu tư và thương mại Tường Minh	699.598.500	699.598.500
- Khách hàng khác	8.580.009	27.421.931
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>708.178.509</b>	<b>727.020.431</b>

13 . Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước	31/12/2022		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.084.046.362	3.084.046.362	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000.000	-	-	-	250.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	3.979.562	3.979.562	-	-
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.088.025.924</b>	<b>3.088.025.924</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí lãi vay	-	61.567.496
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>61.567.496</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<b>15 . Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	-	300.000.000
+ <i>Phải trả phải nộp khác</i>	-	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000</b>

  

<b>16 . Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>42.301.364.900</b>	<b>57.181.364.900</b>	<b>65.165.996.000</b>	<b>50.285.996.000</b>
a, Vay ngắn hạn	41.977.796.900	56.857.796.900	64.826.000.000	49.946.000.000
<i>Ngân hàng NN&amp;PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức (1)</i>	41.977.796.900	56.857.796.900	64.826.000.000	49.946.000.000
b, Nợ dài hạn đến hạn trả	323.568.000	323.568.000	339.996.000	339.996.000
<i>Ngân hàng BIDV - CN Gia Lâm (2)</i>	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000
<i>Ngân hàng PGbank - Hà Nội, PGD Trương Định (3)</i>	98.568.000	98.568.000	114.996.000	114.996.000
<b>16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>124.308.000</b>	-	<b>323.568.900</b>	<b>447.876.900</b>
a, Vay dài hạn	124.308.000	-	323.568.900	447.876.900
<i>Ngân hàng BIDV - CN Gia Lâm (2)</i>	75.000.000		225.000.000	300.000.000
<i>Ngân hàng PGbank - Hà Nội, PGD Trương Định (3)</i>	49.308.000		98.568.900	147.876.900
<b>16.3 Số có khả năng trả nợ</b>	<b>42.425.672.900</b>			<b>50.733.872.900</b>
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	42.301.364.900			50.285.996.000
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	124.308.000			447.876.900

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV ký tháng 12/2022. Hạn mức tín dụng: 45.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ, tối đa không vượt quá 6 tháng.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/6152035/HĐTD ngày 28/04/2020; Số tiền vay: 900.000.000 VND. Mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô Vinfast LUX SA 2.0; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast LUX SA 2.0, biển kiểm soát 30G-293.28.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 20/06/2017. Hạn mức vay: 690.000.000 VND; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất: 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích vay: thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép màu: Đen, nhãn hiệu Chevrolet có biển kiểm soát: 29C-767.73.

**17 . Vốn chủ sở hữu**

**17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2021	792.000.000.000		-	29.735.830.185	821.735.830.185
Lãi/ (lỗ) trong năm				15.116.063.390	15.116.063.390
Số dư 31/12/2021	792.000.000.000	-	-	44.851.893.575	836.851.893.575
Số dư 01/01/2022	792.000.000.000	-	-	44.851.893.575	836.851.893.575
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	(33.821.219.392)	(33.821.219.392)
Số dư 31/12/2022	792.000.000.000	-	-	11.030.674.183	803.030.674.183

**17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
Vốn góp của các cổ đông	792.000.000.000	792.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>792.000.000.000</b>

**17.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	792.000.000.000	220.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	792.000.000.000	220.000.000.000

<b>17.4. Cổ phiếu</b>	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.200.000	79.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KQKD RIÊNG**

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
<b>1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	99.180.149.352	442.290.842.388
<b>Cộng</b>	<u><b>99.180.149.352</b></u>	<u><b>442.290.842.388</b></u>
<b>2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	99.180.149.352	442.290.842.388
<b>Cộng</b>	<u><b>99.180.149.352</b></u>	<u><b>442.290.842.388</b></u>
<b>3 . Giá vốn hàng bán</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	98.598.223.709	442.206.841.759
<b>Cộng</b>	<u><b>98.598.223.709</b></u>	<u><b>442.206.841.759</b></u>
<b>4 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.029.121.655	57.301.980
<b>Cộng</b>	<u><b>15.029.121.655</b></u>	<u><b>57.301.980</b></u>

5 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	3.807.978.353	6.389.636.039
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(27.206.957.769)
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.945.552.216	3.619.190.969
<b>Cộng</b>	<b>16.753.530.569</b>	<b>(17.198.130.761)</b>
6 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu Thanh lý Tài sản cố định	-	-
+ Thu thanh lý	236.895.053	-
+ Giá trị còn lại	236.895.053	-
- Thu nhập khác	316.428.900	355.322.551
<b>Cộng</b>	<b>316.428.900</b>	<b>355.322.551</b>
8 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	1.158.624.950	884.935.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.013.344	280.178.180
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.737.550	288.244.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	29.870.412.500	-
- Chi phí bằng tiền khác	696.376.677	1.125.335.351
<b>Cộng</b>	<b>32.995.165.021</b>	<b>2.578.692.531</b>
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	(33.821.219.392)	15.116.063.390
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
c. Bù lỗ năm trước	(33.821.219.392)	(15.116.063.390)
d. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)+(c)	-	-
e. Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất 20%	-	-
f. Thuế TNDN = {( d)* (20%)}	-	-

10 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.158.624.950	884.935.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.013.344	280.178.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	994.737.550	288.244.000
Dự phòng phải thu khó đòi	29.870.412.500	-
Chi phí khác bằng tiền	696.376.677	1.125.335.351
<b>Cộng</b>	<b>32.995.165.021</b>	<b>2.578.692.531</b>

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

## 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

## 3 . Thông tin về các bên liên quan

## 3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Công ty con	96,54%
Các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	Cán bộ chủ chốt	

## 3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

TT Các bên liên quan	Kỳ này
<b>Công ty Cổ phần BWG Mai Châu</b>	
1 Mua hàng hóa	434.192.132
2 Thanh toán tiền mua hàng hóa	828.000.000
3 Bán hàng hoá	255.925.147
4 Thu tiền bán hàng	255.925.147

## 3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

TT Các bên liên quan	31/12/2022	01/01/2022
<b>a, Phải trả người bán</b>		
1 Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	28.562.132	422.370.000
<b>Cộng</b>	<b>28.562.132</b>	<b>422.370.000</b>

**3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trong kỳ:

TT	Bộ phận	Năm 2022	Năm 2021
	<b>Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị</b>		
1	- Ông Nguyễn Trí Thiện	140.400.000	156.800.026
2	- Ông Nguyễn Trọng Nghĩa (Bỏ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 04/01/2022, bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 30/06/2022)	52.500.000	
3	- Ông Nguyễn Anh Tuấn (Miễn nhiệm HĐQT ngày 30/06/2022)	99.000.000	132.300.026
4	- Ông Nguyễn Xuân Nam	87.300.000	130.800.026
	<b>Cộng</b>	<b>379.200.000</b>	<b>419.900.078</b>

**4 . Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có hoạt động kinh doanh thương mại chủ yếu tại Khu vực Miền Bắc do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chủ yếu của Công ty trong kỳ này là kinh doanh thương mại mặt hàng thiết bị điện tử, phân bón và các mặt hàng sản xuất từ tre. Báo cáo Bộ phận được trình bày như sau:

	Thiết bị điện tử	Phân bón	Các mặt hàng từ tre	Tổng cộng
<b>Kết quả kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng	30.113.474.545	68.493.360.000	573.314.807	<b>99.180.149.352</b>
Giá vốn hàng bán	29.567.749.000	68.486.400.000	544.074.709	<b>98.598.223.709</b>
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	545.725.545	6.960.000	29.240.098	<b>581.925.643</b>
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	10.018.124.276	22.786.310.878	190.729.867	<b>32.995.165.021</b>
Doanh thu tài chính	4.563.202.166	10.379.043.052	86.876.437	<b>15.029.121.655</b>
Chi phí tài chính	5.086.774.114	11.569.912.004	96.844.451	<b>16.753.530.569</b>
Thu nhập khác	96.075.411	218.524.359	1.829.130	<b>316.428.900</b>
Chi phí khác				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.899.895.268)	(23.751.695.471)	(169.628.653)	<b>(33.821.219.392)</b>
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận sau thuế	(9.899.895.268)	(23.751.695.471)	(169.628.653)	<b>(33.821.219.392)</b>



## 4 . Báo cáo bộ phận (tiếp)

	Thiết bị điện tử	Phân bón	Các mặt hàng từ tre	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	260.236.035.574	591.909.128.350	4.954.498.767	<b>857.099.662.691</b>
Tổng tài sản	260.236.035.574	591.909.128.350	4.954.498.767	<b>857.099.662.691</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	16.416.643.045	37.339.797.519	312.547.943	<b>54.068.988.508</b>
Tổng nợ phải trả	16.416.643.045	37.339.797.519	312.547.943	<b>54.068.988.508</b>

## 5 . Thông tin so sánh

- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

## 6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập

  
Bùi Thị Ngọc Huyền

Kế toán trưởng

  
Bùi Thị Ngọc Huyền

Hà Nội ngày 31 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Nguyễn Trí Thiện